

UBND XÃ CƯ JÚT  
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG  
Số : 05/QĐ-MNHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Cư Jút, ngày 14 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### V/v Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 của trường Mầm Non Hoa Hồng HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/1/2026 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ vào cuộc họp hội đồng nhà trường ngày 09/01/2026 và tình hình thực tế của đơn vị.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng trong trường Mầm non Hoa Hồng năm 2026 gồm 5 chương và 34 điều.

Điều 2: Quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Các quy định trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm Non Hoa Hồng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- CBGVNV trường;
- Lưu HT, KT (02 bản)



Nguyễn Thị Hà



UBND XÃ CƯ JÚT  
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

## QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo QĐ số: 03/QĐ-MNHH ngày 14/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Mầm Non Hoa Hồng)

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể và các chế độ quyền lợi, điều kiện, định mức, tiêu chuẩn và nguyên tắc của công tác thu – chi tài chính, nguyên tắc chi tiêu nội bộ của Trường Mầm Non Hoa Hồng.

##### Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động gọi tắt là (CB, VC, NLĐ) trong đơn vị.

##### Điều 3: Nguyên tắc chung

Bản quy chế chi tiêu nội bộ này (viết tắt là QCCTNB) quy định về công tác quản lý nguồn thu và chi tiêu của đơn vị Trường Mầm Non Hoa Hồng đã được thảo luận dân chủ tại đơn vị Trường Mầm Non Hoa Hồng. Trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi về chính sách, chế độ tiền lương hoặc những điều, khoản chưa hợp lý thì sẽ được thống nhất trong tập thể lãnh đạo, và phải triệu tập Hội nghị CBVC để bàn bạc, thay đổi, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp theo quy định hiện hành của pháp luật.

##### Điều 4: Nguyên tắc quản lý nguồn thu

Đơn vị thực hiện quản lý và sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

##### Điều 5: Nguyên tắc chi

Tiết kiệm nguồn vốn, tiết kiệm những khoản chi không hiệu quả, nhằm nâng cao thu nhập cho CB, VC, NLĐ.

Các khoản chi phải đảm bảo đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp lệ, đảm bảo tính hợp pháp, pháp lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản chi thường xuyên phải có kế hoạch, dự toán trình lãnh đạo phê duyệt; các khoản chi nhà nước đã quy định (lương cơ bản, phụ cấp, ngoài giờ, công tác phí, hội nghị, phép hàng năm...) thực hiện theo các quy định của nhà nước.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB), mua sắm tài sản, thiết bị, máy móc, ... thực hiện theo trình tự của nhà nước.

#### **Điều 6: Mục đích, yêu cầu**

Tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường thu, cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho CB, VC, NLĐ trong đơn vị.

Chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thu - chi, quy định thống nhất chế độ phân phối thu nhập, định mức chi tiêu trong đơn vị. Sử dụng các nguồn thu sự nghiệp, nguồn ngân sách nhà nước cấp đảm bảo tiết kiệm, đúng mục đích và hiệu quả.

Là cơ sở để cơ quan kho bạc nhà nước kiểm soát chi, cơ quan quản lý tài chính cấp trên kiểm tra CB, VC, NLĐ giám sát việc chi tiêu sử dụng nguồn kinh phí.

Nhằm động viên khuyến khích CB, VC, NLĐ nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng đơn vị ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

#### **Điều 7: Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế**

Căn cứ vào quyết định số 01/TCCB ngày 27 tháng 8 năm 1998 của ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Trường Mầm non Hoa Hồng;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/07/2025 của UBND xã Cư Jút về việc tiếp nhận nguyên trạng các trường THCS, TH, MN công lập, các đơn vị sự nghiệp công lập khác về Ủy ban nhân dân xã Cư Jút quản lý;

Căn cứ Quyết định 399/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập xã Cư Jút năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-VHXH ngày 05/08/2025 của Phòng Văn hóa – Xã hội về việc số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo xã Cư Jút năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/1/2026 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT- BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước.

Căn cứ Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BTC, ngày 17/04/2024 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/06/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về việc chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/06/2025 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 26/03/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng Quy định danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT – BTC ngày 25/04/2023 của Bộ trưởng Bộ tài chính “Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định của UBND xã Cư Jút số 1890/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao dự toán ngân sách năm 2026.

Căn cứ vào cuộc họp hội đồng nhà trường ngày 09/01/2026 và tình hình thực tế của đơn vị.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH THU, QUẢN LÝ NGUỒN THU**

#### **Điều 8: Nguồn thu từ ngân sách nhà nước**

Nguồn ngân sách nhà nước cấp đảm bảo cho các hoạt động thường xuyên.

Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên được UBND xã Cư Jút giao dự toán cho đơn vị theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách năm 2026 với tổng số tiền là : 5.503.000.000 đồng (Năm tỷ, năm trăm lẻ ba triệu đồng chẵn).

- Ngân sách đã cấp năm 2026 là: 5.503.000.000đ bao gồm :
- + Kinh phí NSNN đảm bảo hoạt động thường xuyên : 5.395.000.000đ
- + Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn CCTL: 57.000.000đ
- + Kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài phần tiết kiệm 10% để tạo nguồn CCTL) theo quy định: 51.000.000đ

**Điều 9: Các nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp khác**

1. Các loại phí, lệ phí
2. Phân cấp quản lý nguồn thu
3. Nguồn thu từ phụ huynh phục vụ công tác bán trú

**Chương III**  
**CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHI TIÊU THƯỜNG XUYÊN**

**Điều 10: Chi cho con người**

- Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV hiện có là : 24 người

Trong đó : Biên chế : 23 người .

Hợp đồng trong chi tiêu biên chế : 0 người.

Hợp đồng 111: 01 người.

**1. Chi tiền lương.**

- Kinh phí chi trả tiền lương: Từ nguồn Ngân sách nhà nước cấp.

- Tiền lương ngạch bậc, phụ cấp thâm niên vượt khung viết tắt là PCTNVK (nếu có) được tính trên cơ sở hệ số lương, cộng % PCTNCK nhân mức lương tối thiểu do nhà nước qui định (Bao gồm lao động trong biên chế (viên chức) và lao động hợp đồng theo NĐ111/2022/NĐ-CP)

- Phương thức chi trả, chuyển 1 lần/tháng vào tài khoản của cá nhân của CB, VC, NLĐ.

- Thời gian chi trả từ ngày 01 đến ngày 15 hàng tháng.

- Chi trả tiền lương cho CB, VC, NLĐ nghỉ do ốm đau, thai sản; Do cơ quan BHXH chi trả theo chế độ theo qui định hiện hành của nhà nước sau khi có đầy đủ hồ sơ do đơn vị cung cấp cho bên cơ quan BHXH.

- Kinh phí trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cụ thể như sau:

+ Phần BHXH, BHYT, BHTN phần thuộc nhà nước chi trả 21,5% (gồm BHXH : 17,5%, BHYT : 3%, BHTN : 1%)

+ Phần BHXH, BHYT, BHTN phần thuộc cá nhân chi trả 10,5% (gồm BHXH : 8%, BHYT : 1,5%, BHTN : 1%)

## **2. Chi cho đối tượng hợp đồng lao động ngoài chỉ tiêu biên chế, hợp đồng khoán việc**

- Mức chi tiền lương cơ bản, tiền lương tăng thêm, phụ cấp (nếu có) sẽ được thỏa thuận theo hợp đồng lao động.

- Kinh phí trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành.

- Chi hợp đồng khoán việc theo thời điểm, thời vụ, theo vụ việc đối với người không có trình độ chuyên môn. Mức chi sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng lao động. Nguồn kinh phí chi trả lấy từ quỹ thu nhập tăng thêm của đơn vị.

## **3. Chi trả phụ cấp**

**3.1 Phụ cấp chức vụ :** Áp dụng cho CB,VC đang giữ chức vụ lãnh đạo đã được bổ nhiệm, hệ số phụ cấp chức vụ được hưởng theo quy định nhà nước, chi trả hàng tháng theo bảng lương.

### **3.2 Phụ cấp ưu đãi nghề (PCƯĐN)**

Dành cho đối tượng cán bộ, viên chức là giáo viên đang trực tiếp giảng dạy tại đơn vị :

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ; chi trả hàng tháng theo bảng lương.

*Cách tính: ((HSLC+ HS PCCV (nếu có) +HS PCTNVK (nếu có)) x MLCS x 50% = Số tiền PCƯĐN được hưởng.*

**Đối tượng là cán bộ, viên chức không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi trong các thời gian sau:**

- Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

- Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng;

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

- Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội hiện hành;

- Thời gian bị đình chỉ giảng dạy.

Kinh phí chi trả: Từ nguồn NSNN cấp hàng năm.

Chi hỗ trợ cho đối tượng khác: (Nguồn kinh phí chi trả lấy từ các nguồn thu hợp pháp sau khi đã trích lập quỹ).

### **3.3 Phụ cấp độc hại, nguy hiểm:**

Phụ cấp độc hại áp dụng: Hệ số phụ cấp độc hại thực hiện theo Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức.

### **3.4 Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc**

Đối tượng áp dụng: Phụ trách kế toán của đơn vị, hệ số phụ cấp được hưởng theo quy định của nhà nước, chi trả hàng tháng theo bảng lương.

### **3.5 Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề**

Thực hiện theo Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề được chi trả hàng tháng theo bảng lương.

Đối tượng áp dụng: CB, VC là giáo viên trong đơn vị đang giảng dạy đủ từ 5 năm (60 tháng) trở lên.

### **3.6 Phụ cấp khu vực : 0,5 Theo Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025**

Đối tượng áp dụng: Toàn bộ cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị, hệ số phụ cấp khu vực được hưởng theo quy định của nhà nước, chi trả hàng tháng theo bảng lương.

### **3.7 Phụ cấp khác**

**Điều 11: Quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng không hưởng lương, nghỉ hàng năm, nghỉ hàng năm tăng thêm theo thâm niên làm việc:**

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương IV CHI TỪ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

### **Điều 12: Chi trả tiền hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập của học sinh**

Thực hiện theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

### **Điều 13: Chi trả chế độ học sinh khuyết tật**

Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

### **Điều 14. Chi phúc lợi tập thể**

**1. Chi tiền nghỉ phép năm** (Thực hiện theo Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ tài chính và thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06/05/2014 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 141/2011/TT-BTC).

**1.1 Thanh toán theo mức khoán (trong trường hợp không có vé tàu xe):**

Trường hợp người đi nghỉ phép năm tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện theo số ki-lô-mét thực đi cụ thể như sau:

- Căn cứ để tính số ki-lô-mét thực đi và tra trên Google Map từ Bến xe khách xã Cư Jút đến Bến xe khách các xã, tỉnh nơi viên chức nghỉ phép;

- Mức tiền khoán là: 700đ/km.

- Kế toán căn cứ số ki-lô-mét thực đi và thanh toán giá vé theo bảng giá vé khoán kèm theo quy chế này.

**1.2. Thanh toán theo thực tế:** (Trường hợp có vé hợp lệ) Mức thanh toán theo giá ghi trên vé, hoá đơn; giá vé đề nghị thanh toán không bao gồm các chi phí dịch vụ khác (tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu). Trong trường hợp cán bộ công chức đi nghỉ phép sử dụng phương tiện là máy bay khi có vé hợp pháp sẽ được thanh toán tối đa theo giá cước vận tải khách công cộng bằng phương tiện đường bộ phù hợp với tuyến đường đi nghỉ phép.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên được thanh toán tiền xe 01 (một) lượt đi và 01 (một) lượt về từ nơi cư trú đến nơi nghỉ phép theo bảng giá vé xe công cộng gần nhất của địa phương.

**2. Tiền phụ cấp đi đường:** Người đi nghỉ phép được thanh toán tiền phụ cấp đi đường (Theo khoản 1 điều 6 tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 và được quy định số ngày tính phụ cấp đi đường như sau:

- Tại xã Cư Jút đi các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Lào Cai, Tuyên Quang, Sơn La, Lạng Sơn, Thái Nguyên, được tính phụ cấp đi đường 4 ngày. (Tính cả ngày đi và về)

- Tại xã Cư Jút đi các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình, được tính phụ cấp đi đường 3 ngày. (Tính cả ngày đi và về)

- Tại xã Cư Jút đi các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Cà Mau, Đà Nẵng, An Giang, Cần Thơ, Quảng Ngãi, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, được tính phụ cấp đi đường 2 ngày. (Tính cả ngày đi và về)

- Tại xã Cư Jút đi các tỉnh: Gia Lai, Khánh Hòa được tính phụ cấp đi đường 1 ngày. (Tính cả ngày đi và về)

- Trường hợp đi phép trong tỉnh dưới 150km: Không thanh toán tiền phụ cấp đi đường.

**3. Tiền mua trà và nước uống:** hàng tháng phục vụ cho CB, VC, NLD trong đơn vị thanh toán theo hóa đơn thực tế.

#### **Điều 15: Chi cho hoạt động chuyên môn**

- Chi cho các hoạt động lễ hội, trải nghiệm phục vụ công tác chuyên môn theo chủ đề.

- Chi cho các Hội thi chuyên môn.

- Chi cho công tác tổ chức tập huấn chuyên môn tại trường.

- Chi mua sổ sách giáo án, bút, phấn, đồ dùng, đồ chơi dạy học, tài liệu giảng dạy, sách tham khảo dùng cho giáo viên, cho học sinh, sách thư viện.

- Chi mua bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng trực quan.

- Chi in ấn, phô tô mẫu biểu phục vụ cho chuyên môn (thao giảng, dự giờ thăm lớp....)
- Chi theo nhu cầu đơn vị và thanh toán theo chứng từ hóa đơn thực tế.

### **Điều 16. Chi cho đào tạo**

Trường hợp CB,VC,NLĐ tập huấn hoặc được cử đi học tập dài hạn thì thanh toán chế độ theo Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 “ Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”.

Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Mức thanh toán tiền tự túc phương tiện đi lại thực hiện theo hình thức khoán như phân chi công tác phí đã quy định tại điều 29.

- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung:

+ Trong tỉnh: 100.000 đồng/ngày/người

+ Ngoài tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người

- Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo thanh toán theo hình thức khoán (trong trường hợp cơ sở đào tạo cách đơn vị công tác từ 10km trở lên và cơ sở đào tạo, đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

+ Trong tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày;

+ Ngoài tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

+ Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập trong những ngày tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn dài hạn (cả chiều đi và về) theo hình thức khoán là : 50.000đ/1 ngày;

+ Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung là: 50.000đ/1 người/ngày;

+ Không chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn dài hạn tại cơ sở đào tạo.

Chứng từ thanh toán chế độ tập huấn, học tập dài hạn: gồm có giấy đi đường có xác nhận của nơi đi và nơi đến công tác kèm theo các công văn cử đi công tác.

### **Điều 17: Chi cho công tác vệ sinh môi trường**

Chi cho công tác thu gom rác thải, hút hầm cầu nhà vệ sinh chỉ mua theo nhu cầu sử dụng của đơn vị như: Thùng rác, đồ dùng phục vụ cho công tác vệ sinh trường lớp, sát khuẩn xịt khuẩn, thuốc xịt muỗi... Thanh toán theo chứng từ hóa đơn thực tế.

- Công tác cải tạo cảnh quan môi trường: chi trồng mới, cắt tỉa cây xanh, cây cảnh, hoa, cải tạo cảnh quan thanh toán theo hóa đơn thực tế.

### **Điều 18: Chi tiền điện thoại**

Thanh toán theo hóa đơn thực tế hàng tháng của Trung tâm kinh doanh VNPT và các nhà mạng khác.

### **Điều 19: Chi điện, nước**

- Mọi người đều có trách nhiệm tiết kiệm điện, nước.

- Ưu tiên phục vụ cho hoạt động dạy và học.
- Tiền điện: Thanh toán theo hóa đơn thực tế hàng tháng của điện lực Lâm Đồng.

**Điều 20: Chi cho đầu tư trường chuẩn quốc gia; kiểm định chất lượng giáo dục**

- Chi mua sắm cơ sở vật chất cho trường chuẩn quốc gia theo nhu cầu của nhà trường và thanh toán theo hóa đơn thực tế.
- Chi cho các hoạt động của công tác kiểm định chất lượng giáo dục: Tự đánh giá; đánh giá ngoài theo quy định hiện hành.

**Điều 21: Chi cho quảng cáo, tuyên truyền**

Chi mua băng rôn khẩu hiệu các ngày lễ, nội quy, quy định trong trường học thanh toán theo hóa đơn thực tế.

**Điều 22: Chi Hội nghị, hội họp, tiếp khách**

**1.1. Chi hội nghị, hội họp**

- Các đại hội, hội nghị do đơn vị tổ chức kỷ niệm các ngày lễ như: ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tết dương lịch, tết nguyên đán, hội nghị công nhân viên chức, khai giảng năm học mới, sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học, tài liệu chi theo thực tế từng hội nghị. (bao gồm nước uống, hoa trang trí...) thanh toán theo hóa đơn thực tế.

- Chế độ hội nghị chi theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Chế độ khác theo quy định của nhà nước.

**1.2. Chi tiếp khách**

- Chi tiếp khách đoàn thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, tài chính và các đoàn thể.
- Chi tiếp khách căn cứ theo Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

**Điều 23: Chi cước phí internet, dịch vụ VNPT, Viettel**

+ Internet, dịch vụ VNPT- Viettel : Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

**Điều 24: Chi mua văn phòng phẩm**

+ Đối với các tổ chuyên môn - nghiệp vụ như (văn thư, kế toán, bán trú...): tùy theo nhu cầu của công việc mà cấp văn phòng phẩm cho các tổ chuyên môn - nghiệp vụ theo giấy đề nghị mua sắm của tổ, phù hợp với định mức của vị trí công việc.

+ Đối với giáo viên (trong định biên và hợp đồng): chi văn phòng phẩm mỗi năm học (bao gồm tiền mua giấy A4, các loại sổ cá nhân, bút...), phù hợp với định mức của mỗi vị trí công việc.

**Điều 25: Chi mua sắm đồ dùng, công cụ, dụng cụ, vật tư, phòng làm việc**

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Thực hiện chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

- Chi mua vật tư văn phòng khác thanh toán theo hóa đơn thực tế.

## **Điều 26: Chi công tác phí, công tác khoán**

**Chi Công tác phí:** Thực hiện chi thanh toán theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 và Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 đối với cán bộ, viên chức được quyết định cử đi công tác.

**Chi khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác (Theo khoản 2 điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 5, Thông tư số 12/2025/TT-BTC)**

- Đi công tác trong tỉnh: Thanh toán tiền vé tàu xe được khoán như sau:

+ Từ cơ quan, đơn vị đi tới các xã Nam Dong, Đăk Wil (từ 15km trở lên) mức khoán tiền xe là 60.000đ/1 lượt đi và về;

+ Từ cơ quan, đơn vị đi xã Thuận An, Đăk Mil, Đứk Lập, Đăk Săk, Nam Đà, Krông Nô, Nam Nung, mức khoán tiền xe là 80.000đ/1 lượt đi và về;

+ Từ cơ quan, đơn vị đi xã Quảng Phú, Đăk Song, Thuận Hạnh, Đứk An, Trường Xuân, mức khoán tiền xe là 160.000đ/1 lượt đi và về;

+ Từ cơ quan, đơn vị đi xã Tà Đùng, Quảng Khê, Quảng Hòa, Phường Đông Gia Nghĩa, Nam Gia Nghĩa, Bắc Gia Nghĩa mức khoán tiền xe là 200.000đ/1 lượt đi và về;

+ Từ cơ quan, đơn vị đi xã Kiến Đứk, Nhân Cơ, Tuy Đứk, Quảng Tân, Quảng Trục, Quảng Tín, Quảng Sơn, mức khoán tiền xe là 250.000đ/1 lượt đi và về.

+ Từ cơ quan, đơn vị đi các Phường Cam Ly, Lang Biang, Lâm Viên, Xuân Hương, Xuân Trường, Bảo Lộc, phường Bình Thuận, Mũi Né, Phan Thiết, La Gi,.... các xã tại Lâm Đồng, Bình Thuận cũ mức khoán tiền xe là: 500.000đ/1 lượt đi và về.

- Đi công tác ngoài tỉnh: Thanh toán tiền vé tàu xe được khoán như sau:

+ Từ cơ quan, đơn vị đi các Phường Buôn Mê Thuật, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Eakao mức khoán tiền xe là: 80.000đ/1 lượt đi và về;

+ Từ cơ quan, đơn vị đi tỉnh Đăk Lăk (Phú Yên cũ) mức khoán tiền xe là: 250.000đ/1 lượt đi và về;

- Đi công tác ngoài tỉnh: Thanh toán tiền vé tàu xe được tính theo vé xe thực tế (hoặc theo mức khoán của bảng khoán vé xe ban hành kèm quy chế này).

**Chi phụ cấp lưu trú: (Theo khoản 1 điều 4 của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND):**

- Thanh toán tiền phụ cấp lưu trú đi công tác theo chế độ quy định hiện hành với số tiền 300.000đ/ngày.

- Phường Cam Ly, Lang Biang, Lâm Viên, Xuân Hương, Xuân Trường, Bảo Lộc, phường Bình Thuận, Mũi Né, Phan Thiết, La Gi,.... các xã tại Lâm Đồng, Bình Thuận cũ tính trước 1 ngày phụ cấp lưu trú.

- Đi công tác các tỉnh ngoài xa thanh toán phụ cấp lưu trú gồm cả thời gian đi và về trên đường.

- Đi công tác tại xã, phường trong tỉnh từ 100km trở lên nếu thời gian trước 7h30p sẽ tính 0,5 ngày lưu trú.

**Chi tiền thuê phòng nghỉ: (Thanh toán theo hình thức khoán theo khoản 1 điều 5 của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND):**

Tiền thuê phòng ngủ thanh toán theo hình thức khoán như sau:

- Đi công tác ở thành phố trực thuộc trung ương mức khoán: 600.000 đồng/ngày/người.
- Đi công tác tại các tỉnh, mức khoán: 500.000 đồng/ngày/người.
- Đi công tác trong tỉnh tại các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, ĐBKK theo QĐ của Thủ tướng chính phủ mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người.
- Đi công tác trong tỉnh tại đặc khu và các xã, phường còn lại, mức khoán: 450.000 đồng/ngày/người.
- Người đi công tác tại các xã, phường, thành phố xa, tiền thuê phòng ngủ thanh toán trước 01 đêm nếu thời gian tham dự trước 07h30p.

**Chi khoán công tác phí: (Theo khoản 2 điều 5 của Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND):**

Thực hiện khoán công tác phí hàng tháng cho hiệu trưởng, kế toán, văn thư với lý do phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng với mức khoán hiệu trưởng là 500.000 đồng/tháng; kế toán là 500.000 đồng/tháng; văn thư là 300.000 đồng/tháng, chi trả hàng tháng cùng kỳ lương hoặc chi trả theo quý.

**Điều 27: Chi cho mua sách báo, tài liệu**

Chi mua sách tham khảo cho giáo viên, học sinh tài liệu phục vụ dạy học, sách báo, thanh toán theo hóa đơn thực tế.

**Điều 28: Chi hỗ trợ xăng xe, thuê mướn xe đi công tác**

Chi các nhiệm vụ phát sinh thực tế trong đơn vị thanh toán theo hóa đơn thực tế.

**Điều 29: Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng**

Thực hiện chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các tài sản, các đồ dùng (như đường điện, hệ thống ống nước, máy vi tính, phòng học....) theo nhu cầu thực tế của đơn vị và thanh toán theo hóa đơn thực tế.

**Điều 30: Chi mua sắm tài sản, duy tu, sửa chữa lớn**

**Quản lý tài sản công:** Thực hiện theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Tính hao mòn tài sản thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT – BTC ngày 25/04/2023 của Bộ trưởng bộ tài chính “ Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Những tài sản không trong danh mục mua sắm tập trung, hiệu trưởng xem xét quyết định mua sắm.

**Mua sắm tài sản công:** Căn cứ vào nhu cầu thực tế về sử dụng tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn tại đơn vị, đơn vị lập tờ trình đề nghị mua sắm tập trung với cấp trên.

**Điều 31: Các khoản chi khác**

**Chi hỗ trợ ngày lễ tết:** Căn cứ theo Quy định của UBND tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết HĐND tỉnh Lâm Đồng Quy định mức hỗ trợ đối với viên chức, người lao động. Trường hợp UBND tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết HĐND tỉnh Lâm Đồng không hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán thì nhà trường quy định mức hỗ trợ đối với viên chức, người lao động (Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP) trong dịp Tết Nguyên Đán số tiền là 500.000đ/người..

**Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo:** Thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**Chi trả tiền hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ 3,4,5 tuổi:** Thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

**Chi thưởng theo nghị định 73/2024/NĐ-CP** ngày 30/06/2024 cho đối tượng lao động theo hợp đồng theo nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về Hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị.

+Mức chi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:  $HSLC \times MLCB \times 10\% \times 12 \text{ tháng} \times 100\%$

+Mức chi hoàn thành tốt nhiệm vụ:  $HSLC \times MLCB \times 10\% \times 12 \text{ tháng} \times 50\%$

+Mức chi hoàn thành nhiệm vụ:  $HSLC \times MLCB \times 10\% \times 12 \text{ tháng} \times 40\%$

**Điều 32: Chi từ nguồn học phí**

- Thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

- Chi thực hiện cải cách tiền lương 40%.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 33: Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, bãi bỏ các quy chế trước đây.

**Điều 34: Tổ chức thực hiện**

Quy chế này được áp dụng để thực hiện việc chi tiêu nội bộ đơn vị. Áp dụng cho toàn thể CB, VC, NLD thuộc đơn vị Trường Mầm Non Hoa Hồng. Các nội dung khác chưa quy định trong quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu có gì bất hợp lý và cần thiết sẽ được tập thể lãnh đạo đơn vị cùng với cán bộ, viên chức, người lao động thống nhất xem xét, điều chỉnh, bổ sung.

**UBND XÃ CƯ JÚT**  
**TRƯỜNG MÀM NON HOA HỒNG**

**BẢNG THANH TOÁN VÉ XE THEO MỨC KHOẢN CÁC TUYẾN NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo quy chế chi tiêu nội bộ số /QCCTNB-MNHH áp dụng từ ngày 01/1/2026 đến 31/12/2026)*

*ĐVT: đồng*

| <b>STT</b> | <b>Tuyến</b> | <b>Số km từ bến xe Cư Jút đến bến xe tỉnh nơi nghỉ phép</b> | <b>Mức khoán/1km năm 2026</b> | <b>Tổng tiền</b> |
|------------|--------------|---|-------------------------------|------------------|
| 1          | Lai Châu     | 1700  | 700                           | 1.190.000        |
| 2          | Điện Biên    | 1630  | 700                           | 1.141.000        |
| 3          | Cao Bằng     | 1570  | 700                           | 1.099.000        |
| 4          | Lào Cai      | 1590  | 700                           | 1.113.000        |
| 5          | Tuyên Quang  | 1440  | 700                           | 1.008.000        |
| 6          | Quảng Ninh   | 1500  | 700                           | 1.050.000        |
| 7          | Sơn La       | 1480  | 700                           | 1.036.000        |
| 8          | Lạng Sơn     | 1450  | 700                           | 1.015.000        |
| 9          | Thái Nguyên  | 1380  | 700                           | 966.000          |
| 10         | TP Hải Phòng | 1380  | 700                           | 966.000          |
| 11         | Phú Thọ      | 1400  | 700                           | 980.000          |
| 12         | Bắc Ninh     | 1330  | 700                           | 931.000          |
| 13         | TP Hà Nội    | 1310  | 700                           | 917.000          |
| 14         | Hưng Yên     | 1270  | 700                           | 889.000          |
| 15         | Ninh Bình    | 1210  | 700                           | 847.000          |
| 16         | Thanh Hoá    | 1160  | 700                           | 812.000          |
| 17         | Nghệ An      | 1140  | 700                           | 798.000          |
| 18         | Hà Tĩnh      | 970   | 700                           | 679.000          |
| 19         | Quảng Trị    | 720   | 700                           | 504.000          |
| 20         | TP Huế       | 670   | 700                           | 469.000          |
| 21         | Cà Mau       | 600   | 700                           | 420.000          |
| 22         | TP Đà Nẵng   | 570   | 700                           | 399.000          |

|    |                |     |     |         |
|----|----------------|-----|-----|---------|
| 23 | An Giang       | 540 | 700 | 378.000 |
| 24 | TP Cần Thơ     | 460 | 700 | 322.000 |
| 25 | Quảng Ngãi     | 420 | 700 | 294.000 |
| 26 | Vĩnh Long      | 430 | 700 | 301.000 |
| 27 | Đồng Tháp      | 430 | 700 | 301.000 |
| 28 | Tây Ninh       | 320 | 700 | 224.000 |
| 29 | TP Hồ Chí Minh | 320 | 700 | 224.000 |
| 30 | Đồng Nai       | 300 | 700 | 210.000 |
| 31 | Gia Lai        | 200 | 700 | 140.000 |
| 32 | Khánh Hòa      | 220 | 700 | 154.000 |